TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33/**2022/DS-ST
Ngày: 24-8-2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Mỹ Dung;

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Lê Thanh Khảnh và ông Nguyễn Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: bà Doãn Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2022/QĐST-DS ngày 08/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Đ. Trụ sở chính: 130 Phan Đăng Lưu, phường 3, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo ủy quyền: ông Vũ Văn T – Giám đốc chi nhánh Phú Yên. Địa chỉ: 230 đường M, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên (theo quyết định số 399.QĐ-DAB-PC ngày 02/4/2019).

Ông Thiết ủy quyền lại cho ông Lê Trung H, chức vụ: Nhân viên kinh doanh (Giấy ủy quyền ngày 20/5/2022). Có mặt.

Bị đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1970 và ông Nguyễn Tấn I, sinh năm 1969. Địa chỉ: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ trình bày: Ngày 27/5/2020, bà Lê Thị M có vay tại Ngân hàng TMCP Đ theo hợp đồng tín dụng trả góp (có đối tác liên kết) số

00747009.0141454201T20032 với số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); mỗi tháng góp trả số tiền 1.827.000 đồng. Lãi xuất: 9,6%/năm; thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 27/5/2020 đến ngày 27/5/2021); biện pháp bảo đảm: tín chấp. Người bảo lãnh có trách nhiệm cùng trả là ông Nguyễn Tấn I (chồng bà Lê Thị M).

Trong thời gian vay, từ ngày 27/5/2020 đến ngày 21/01/2022, bà Lê Thị M, ông Nguyễn Tấn I chỉ trả được tổng số tiền 18.116.000 đồng. Trong đó: Vốn là 16.343.688 đồng; lãi trong hạn: 1.772.312 đồng. Vì vợ chồng bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 27/5/2021, Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Phú Yên đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, nhưng vợ chồng bà M, ông I vẫn không chịu trả. Đến nay, vợ chồng bà M, ông I còn nợ Ngân hàng số tiền 5.226.240 đồng, trong đó: tiền gốc: 3.656.312 đồng; lãi trong hạn: 147.688 đồng; lãi quá hạn: 1.422.240 đồng. Nay yêu cầu Tòa giải quyết buộc vợ chồng bà M, ông I phải trả cho ngân hàng số tiền vốn và lãi trên. Ngoài ra không yêu cầu gì khác

Quá trình giải quyết, bị đơn vợ chồng bà Lê Thị M và ông Nguyễn Tấn I đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bị đơn không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, đồng thời không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng bà Lê Thị M, ông Nguyễn Tấn I phải trả cho nguyên đơn số tiền 5.226.240 đồng, trong đó: tiền gốc: 3.656.312 đồng; lãi trong hạn: 147.688 đồng; lãi quá hạn: 1.422.240 đồng ; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ và vợ chồng bà Lê Thị M, ông Nguyễn Tấn I là

“tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà Lê Thị Mai, ông Nguyễn Tấn Minh có nơi cư trú tại Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Bị đơn bà Lê Thị M, ông Nguyễn Tấn I đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 27/5/2020, bà Lê Thị M có vay tại Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Phú Yên theo hợp đồng tín dụng trả góp (có đối tác liên kết) số 00747009.0141454201T20032 với số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); mỗi tháng góp trả số tiền 1.827.000 đồng. Lãi xuất: 9,6%/năm; thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 27/5/2020 đến ngày 27/5/2021), ông Nguyễn Tấn I là người bảo lãnh có trách nhiệm cùng trả. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà M không thực hiện việc trả nợ gốc khi đến hạn; đến ngày 27/5/2021 đã chuyển sang nợ quá hạn. Bà M, ông I không thực hiện nghĩa vụ trả lại vốn vay cũng như trả lãi quá hạn theo hợp đồng vay đã ký dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Xét việc giao kết này dựa trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bị lừa dối, ép buộc; các bên đều có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự. Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn với bị đơn đã tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức, chủ thể, nội dung; không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng vay tài sản trên có hiệu lực pháp luật. Việc bà M, ông I không thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng vay tài sản. Căn cứ quy định tại Điều 463, 466, Bộ luật Dân sự. Chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện Ngân hàng TMCP Đ, buộc bà Lê Thị M và ông Nguyễn Tấn I trả cho Ngân hàng số tiền 5.226.240 đồng, trong đó: tiền gốc: 3.656.312 đồng; lãi trong hạn: 147.688 đồng; lãi quá hạn: 1.422.240 đồng (tính đến ngày 24/8/2022) và lãi phát sinh sau ngày 24/8/2022.

[40] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 556.000 đồng (năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng) được nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001615 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 429, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 9, Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ. Buộc bà Lê Thị M và ông Nguyễn Tấn I trả cho Ngân hàng số tiền 5.226.240 đồng, trong đó: tiền gốc: 3.656.312 đồng; lãi trong hạn: 147.688 đồng; lãi quá hạn: 1.422.240 đồng (tính đến ngày 24/8/2022).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Lê Thị M và ông Nguyễn Tấn I còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng vay vốn, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Đông Á.

2. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 556.000 đồng (năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng) được nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số xxxx ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đ;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
-Đương sự trong vụ án;
- Lưu AV, HS

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Mỹ Dung